

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THỰC TẬP CUỐI KHÓA CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Đàm Đức Đạt*, Nguyễn Thành Nhân**
Phan Đình Ngọc Châu***, Nguyễn Thị Thanh Tâm*

ABSTRACT

The end-course Practice is one of the important activities for final-year students in educational and training environment of the university level. University of Foreign languages, Hue University always pays attention to find solutions to improve the management of this activity. Through the reality research and survey from most of the related human factors, the article shows out the advantages, disadvantages, causes of the disadvantages and also provides some solutions to improve the effect of the end-course Practice of the English language-major students at University of Foreign languages, Hue University.

Keywords: Management, End-course Practice, English language-major students, University.

Received: 16/11/2021; **Accepted:** 22/11/2021; **Published:** 25/11/2021

1. Đặt vấn đề

Hoạt động (HD) thực tập cuối khóa (TTCK) là một trong những HD quan trọng của sinh viên (SV) trong môi trường giáo dục và đào tạo bậc đại học. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế (ĐHNH, ĐHH) luôn chú trọng và đổi mới công tác quản lý (QL) quá trình đào tạo, trong đó việc quản lý hoạt động TTCK là nội dung cần phải cải tiến, cập nhật và đổi mới để phù hợp với yêu cầu các nhà tuyển dụng và xã hội. Các báo cáo và khảo sát của SV ngành Ngôn ngữ Anh, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế cho thấy còn tồn tại nhiều hạn chế. Do vậy, các cán bộ quản lý (CBQL) cần tìm ra những bất cập trong quá trình quản lý SV thực tập đồng thời tìm ra phương pháp hiệu quả để đảm bảo chất lượng TTCK của SV cũng như nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đánh giá chung về thực trạng quản lý HD TTCK của SV ngành Ngôn ngữ Anh Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế

Qua việc khảo sát 40 CBQL trong trường và 40 CBQL ngoài trường, 76 giảng viên, và 357 SV ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế, thấy được rất rõ những đánh giá khách quan của từng đối tượng khảo sát về những khó khăn, hạn chế trong quá trình tổ chức và QL HD TTCK của trường. Cụ thể như sau:

* Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

** PGS.TS – Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*** ThS. Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

* *Ưu điểm:* Trường luôn quan tâm và chỉ đạo sâu sát HD TTCK. Trong những năm qua, nhà trường đã tiến hành công tác chuẩn bị cho HD TTCK tương đối tốt.

- Trường đã có nhiều kinh nghiệm trong công tác QL HD TTCK khóa của SV, có mối quan hệ gắn kết khá chặt chẽ với các cơ quan, doanh nghiệp đặc thù;
- SV được linh động tự liên hệ đơn vị thực tập;
- Lực lượng GV nhiệt tình, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao và có năng lực tốt, có uy tín chuyên môn hỗ trợ cho SV;

- Đa số SV có ý thức cao, tự giác, tích cực và sáng tạo trong học tập, rèn luyện kỹ năng (KN) mềm và ứng biến tình huống.

* *Nhược điểm:*

- Một bộ phận SV có tinh thần thái độ, ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học tập, rèn luyện chưa cao, còn hời hợt và làm qua loa, đại khái;

- Bỡ ngỡ, thiếu tự tin trong quá trình tham gia, tổ chức các nội dung HD TTCK;

- Các KN mềm và KN ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế - KN thực hành còn lúng túng.

* *Nguyên nhân của những hạn chế:*

- Một bộ phận GV, và SV chưa nhận thức đầy đủ và đúng đắn về tầm quan trọng của HD TTCK.

- Sự phối hợp giữa các cấp QL, các ban chỉ đạo đôi khi còn thiếu chặt chẽ, thiếu thường xuyên.

- Chuẩn bị hệ thống kiến thức và KN chưa kỹ và đầy đủ.

- Còn nhiều nội dung đào tạo chưa sát với thực

tiền; KN mềm của SV còn nhiều hạn chế;

- Một bộ phận giảng viên kiểm tra – đánh giá kết quả TTCK còn thiếu tính khách quan, công bằng.
- Đầu tư về CSVC, kinh phí phục vụ cho TTCK còn hạn chế.

2.2. Các nguyên tắc xây dựng biện pháp quản lý HĐ TTCK của SV ngành Ngôn ngữ Anh, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế

- *Nguyên tắc đảm bảo đúng mục tiêu:* Xác định mục tiêu là định hướng và tìm ra các biện pháp QL HĐ TTCK.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa và phát triển:* Sử dụng các dữ liệu sẵn có, từ những văn bản ban hành và áp dụng trong nhiều năm tại đơn vị giáo dục, để từ đó mở rộng và thay đổi phù hợp.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và khả thi:* Hệ thống biện pháp được đề xuất đảm bảo tính thực tế và khả thi, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính pháp lý và khoa học:* Mọi cơ sở diễn ra HĐ phải phù hợp với quy định từ các văn bản được ban hành bởi các cấp quản lý. Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế sử dụng các Quy định ban hành của Bộ GD&ĐT, cũng như của Đại học Huế để xây dựng Quy chế, Hướng dẫn và Quy trình quản lý HĐ TTCK cho nội bộ đơn vị.

- *Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp và tiết kiệm:* Chất lượng và hiệu quả là yếu tố quan trọng, khi vận dụng nguyên tắc này, cần chú ý mối quan hệ tương hỗ của chất lượng và hiệu quả, phù hợp và tiết kiệm...

- *Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ:* Thực hiện các biện pháp cần đồng bộ, nhất quán ở các khâu, các bộ phận để phát huy thế mạnh của từng biện pháp và đảm bảo hiệu quả đến các đối tượng theo đúng mục tiêu đề ra.

2.3. Biện pháp quản lý HĐ TTCK của SV ngành Ngôn ngữ Anh Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế

2.3.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa HĐ TTCK

* *Mục đích, ý nghĩa của biện pháp:* Tác động vào nhận thức của CBQL, GV và đặc biệt là tác động vào nhận thức của SV, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác của mình, góp phần quản lý tốt HĐ TTCK của SV.

* *Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện:*

- Các CBQL, GV và SV phải được ý thức sâu sắc về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác TTCK;
- Đẩy mạnh các HĐ giáo dục, tuyên truyền về mục tiêu, vai trò và ý nghĩa của HĐ TTCK bằng nhiều

hình thức;

- Cần có các hội nghị được tổ chức thường xuyên với sự góp mặt của các bên liên quan để báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp.

- GV cần thay đổi và cập nhật giáo trình, phương pháp giảng dạy và không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn.

- Nâng cao ý thức của SV về tầm quan trọng của việc hệ thống hóa kiến thức và rèn luyện KN thực hành ngôn ngữ để chuẩn bị thật tốt trước khi đi vào thực tiễn để sử dụng.

2.3.2. Xây dựng kế hoạch tổ chức HĐ TTCK đảm bảo cụ thể, chi tiết, phù hợp và khả thi.

* *Mục đích, ý nghĩa của biện pháp:* Một kế hoạch đầy đủ và chi tiết sẽ giúp cho CBQL dễ dàng nắm bắt kịp thời các quy trình và chỉ đạo sâu sát hơn, đồng thời, giúp cho SV có thể cân đối thời gian và nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác TTCK.

* *Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện:*

- Cần tìm hiểu và đánh giá kỹ càng các địa điểm giới thiệu TTCK cho SV, đồng thời đưa ra một lượng thời gian cân đối và linh động nhất để phân bố các đầu mối công việc;

- Xin ý kiến và phân hồi từ các cấp lãnh đạo, các bên liên quan về lộ trình và kế hoạch thực hiện để từ đó xem xét điều chỉnh nếu cần thiết.

2.3.3. Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức, KN, năng lực tổ chức cho các lực lượng tham gia HĐ TTCK

* *Mục đích, ý nghĩa của biện pháp:* Đây là biện pháp nhằm tạo tiền đề thuận lợi cho SV để có đủ năng lực làm việc trong điều kiện thực tế.

* *Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện:*

- Tăng cường đổi mới phương thức tổ chức bồi dưỡng kiến thức, KN, năng lực phù hợp và linh hoạt, thích ứng với chương trình đào tạo; đảm bảo những KN cần thiết để SV xử lý tình huống; chú trọng đào tạo theo hướng phát triển năng lực tự giác; xây dựng nội dung chương trình, quy trình kế hoạch bồi dưỡng khoa học;

- Đầu tư các điều kiện CSVC, hạ tầng xây dựng, thiết bị dạy học,... để đảm bảo công tác đào tạo kiến thức, KN chất lượng tốt và hiệu quả cao.

2.3.4. Tập trung chỉ đạo, tăng cường quản lý việc tổ chức, kiểm tra, đánh giá HĐ TTCK.

* *Mục đích, ý nghĩa của biện pháp:* Nhằm đốc thúc, chỉ đạo đội ngũ kiểm tra, đánh giá làm đúng trách nhiệm, hiệu suất cao, để có sự đánh giá chính xác nhất; giúp kéo lại gần hơn mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp phối hợp nghiệp vụ kiểm

tra, đánh giá chất lượng TTCK của SV.

* Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện:

- Nhà trường tập trung chỉ đạo, tăng cường QL và đốc thúc việc kiểm tra, đánh giá HĐ TTCK, đồng thời, kiểm soát quá trình cho điểm và chấm các bài báo cáo thu hoạch của SV.

- Đưa ra các tiêu chí đánh giá đúng, khoa học, giúp đội ngũ kiểm tra, đánh giá, GV dễ dàng hơn trong quá trình cho điểm đúng với năng lực thực tế của SV.

2.3.5. *Đổi mới nội dung, hình thức tổ chức HĐ TTCK.*

* Mục đích, ý nghĩa của biện pháp: Đổi mới về cả nội dung lẫn hình thức theo hướng chất lượng và hiệu quả đề hướng tới mục tiêu phát triển năng lực cho SV; giảm thiểu những khó khăn, bất cập mà SV gặp phải trong quá trình thực tập.

* Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện:

- Thực hiện tốt công tác chuẩn bị cho SV tham gia HĐ TTCK

+ Cung cấp tài liệu có liên quan và hướng dẫn SV học tập và nghiên cứu;

+ Mời các CBQL, GV có kinh nghiệm và uy tín để tổ chức bồi dưỡng các chuyên đề liên quan;

+ Chuẩn bị các điều kiện CSVC nhằm đáp ứng nhu cầu của SV trong quá trình TTCK;

+ Tăng cường bồi dưỡng SV tiếp cận với phương tiện hiện đại; trang bị kiến thức, KN ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tăng cường chỉ đạo HĐ TTCK thực hiện đúng quy trình, kế hoạch:

+ Chỉ đạo xây dựng kế hoạch HĐ TTCK hợp lý, khoa học, đáp ứng được các yêu cầu, đảm bảo nội dung TTCK phù hợp với điều kiện của nhà trường và sát thực với các cơ sở TTCK;

+ Chỉ đạo triển khai thực hiện HĐ đúng quy trình, kế hoạch đề ra. Tiến hành thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát và kịp thời giải quyết những tình huống nảy sinh trong quá trình TTCK...

- Đổi mới công tác QL trong kiểm tra – đánh giá kết quả TTCK:

+ Thống nhất quan điểm đánh giá kết quả thực tập của SV với các cơ sở TTCK công bằng, khách quan, đúng năng lực của từng SV;

+ Lập kế hoạch cử giảng viên Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế kết hợp với CBQL trong công tác kiểm tra kết quả TTCK;

+ Hoàn thiện các quy định chuẩn và các tiêu chí đánh giá các nội dung TTCK;

+ Thống nhất phương pháp đánh giá TTCK theo một quy trình khoa học;

- Những động thái cần thực hiện trong quá trình tổ

chức HĐ TTCK:

+ Tổ chức đánh giá mẫu, rút kinh nghiệm để có cơ sở đánh giá trên diện rộng;

+ Tăng cường công tác tổ chức rút kinh nghiệm, hỗ trợ và giúp đỡ SV trong các nội dung HĐ TTCK;

- Công tác tổng kết HĐ TTCK:

+ Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của Ban chỉ đạo HĐ TTCK các cấp, giảng viên để có thông tin phản hồi trong công tác tổ chức, chỉ đạo và QL HĐ;

+ Tổ chức có hiệu quả Hội nghị tổng kết TTCK nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm về các mặt của HĐ TTCK để có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp;

2.3.6. *Đẩy mạnh công tác kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện và quản lý HĐ TTCK*

* Mục đích, ý nghĩa của biện pháp: Nhằm nắm bắt quy trình và hiệu quả của HĐ TTCK đồng thời kịp thời đưa ra những biện pháp giúp giải quyết nhanh chóng và có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện và QL HĐ TTCK.

* Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện:

Nhà trường lập một tổ kiểm tra, đánh giá hoặc nên khoanh vùng các địa điểm mà SV đăng ký thực tập. Cử các Cán bộ/ Giảng viên phối hợp liên lạc với các đơn vị, doanh nghiệp để có phương án hỗ trợ kiểm tra, đánh giá.

3. Kết luận

HĐ TTCK là một HĐ đóng vai trò quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn. Chính vì thế, công tác quản lý HĐ TTCK luôn phải đổi mới và sâu sát trong các khâu triển khai. Bài nghiên cứu đề xuất 06 biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng HĐ quản lý HĐ TTCK của SV ngành Ngôn ngữ Anh, Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Huế nhằm đáp ứng với nhu cầu thực tiễn, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc (1986), *Một số vấn đề về quản lý giáo dục và khoa học giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Bùi Minh Hiền (chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2011), *Quản lý giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Quý Long, Kim Thư (2012), *Sổ tay hướng dẫn Đổi mới phương pháp quản lý, giảng dạy – Nâng cao chất dạy và học trong nhà trường*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội.
4. Đỗ Hoàng Toàn (1995), *Lý thuyết quản lý*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội
5. Thái Duy Tuyên (2008), *Phương pháp dạy học – truyền thống và đổi mới*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

Tổng biên tập

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN

Hội đồng biên tập

GS. TS. VŨ DŨNG

GS. TS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC

GS. TS. PHẠM HỒNG QUANG

GS. TS. THÁI VĂN THÀNH

GS. TS. PHAN VĂN KHA

Mr. DANNY GAUCH

PGS. TS. PHẠM VĂN SƠN - CHỦ TỊCH

PGS. TS. NGUYỄN XUÂN THỨC

PGS. TS. Đại tá MAI VĂN HÓA

PGS. TS. NGUYỄN VĂN ĐỆ

PGS. TS. BUI VĂN HỒNG

PGS. TS. DƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

PGS. TS. THÁI THẾ HÙNG

PGS. TS. LÊ VĂN GIÁO

PGS. TS. LÊ KHÁNH TUẤN

PGS. TS. NGUYỄN MẠNH HƯƠNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MINH HẰNG

PGS. TS. NGUYỄN NHƯ AN

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

TS. BUI ĐỨC TỬ - PHÓ CHỦ TỊCH

TS. LÊ HOÀNG HẢO

TS. CHU MẠNH NGUYỄN

TS. THÁI VĂN LONG

TS. LÊ CHI LAN

TS. NGUYỄN ĐỨC DANH

Tòa soạnSố nhà 41, ngõ 199, phố Khương Thượng
(ngõ 440 Trường Chinh), quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.36658762

Fax: 024.36658761

Email: tapchitbgi@yahoocom.vn

Website: www.tapchithietbigiaoduc.vn

Văn phòng giao dịch phía NamTS. Bùi Văn Hưng - Trưởng Văn phòng
Số 58, đường 6, khu phố 2, P. Linh Trung,
Q. Thủ Đức, TP. HCM. ĐT: 0916682685**Tài khoản:** 1501 201 018 193

Ngân hàng NN&PTNT Hà Nội

PGD Hai Bà Trưng

Giấy phép xuất bản:

Số 357/CBC-BCTƯ Ngày 15/12/2014

của Bộ Thông tin và Truyền thông

Thiết kế và Chế bản:

Đoàn Ngoan

In tại Công ty TNHH In - Thương mại
và Dịch vụ Nguyễn Lâm**Giá: 35.000đ (Ba mươi lăm nghìn đồng)****MỤC LỤC - CONTENT****NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG - APPLIED RESEARCH****Lê Thị Thúy Dung:** Năm kỹ thuật với google form thực hiện tự đánh giá – đánh giá đồng **Bùi Thị Then:** Nghiên cứu việc thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm phục vụ học tập của sinh viên khoa quản lý đất đai**Chu Thị Phương Ngọc:** Công tác vận động quần chúng – Yếu tố quan trọng góp phần hoàn thành xây dựng nông thôn mới tại huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ**Chu Thị Phương Ngọc, Nguyễn Thị Thùy My:** Vận dụng nội dung văn kiện đại hội XIII của đảng vào giảng dạy học phân lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tại các trường cao đẳng, đại học**Thái Thị Lan Anh, Đỗ Hải Hà:** Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ**Lê Thị Lan:** Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, hội nhập quốc tế**Nguyễn Thị Huệ:** Đánh giá hiệu quả của công tác dồn điền đổi thửa đất canh tác trong sản xuất nông nghiệp huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa**Nguyễn Văn Quyền:** Một số nội dung mới trong văn kiện đại hội XIII của Đảng về phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao**Phạm Thị Kiều Diễm:** Vận dụng mô hình dạy học theo dự án để dạy chủ điểm: “Con người với thiên nhiên” trong chương trình Tiếng Việt lớp 5**Thái Thị Lan Anh, Đỗ Hải Hà:** Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh**Bùi Hoàng Ly Ly:** Phát huy vai trò của công tác tuyên truyền góp phần đẩy mạnh việc học tập, thực hiện sáu điều Bác Hồ dạy tại Học viện Cảnh sát Nhân dân**Thái Đình Lãm:** Nhận thức của học sinh trung học cơ sở quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh về bạn là người đồng tính**Phạm Thu Trà:** Sử dụng tình huống thực tế vào giảng dạy triết học ở các trường đại học**Phạm Thị Huệ:** Hình ảnh bộ đội cụ Hồ trong chiến tranh biên giới Tây Nam qua những tác phẩm văn học**Hoàng Ngọc Sơn:** Nội dung và đặc điểm tham gia công tác dân vận của thanh niên quân khu 7 hiện nay**Châu Ngọc Yến Lê:** Làm sao để phát triển kỹ năng nghe tiếng Pháp ngoại ngữ 2 ở trường đại học An Giang**Lê Thị Quỳnh Thương:** Ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học trực tuyến tại trường Cao đẳng sư phạm Nghệ An**Lê Thị Mai; Hà Văn Hùng:** Giải pháp nâng cao nhận thức, trách nhiệm về nhiệm vụ bảo vệ an toàn, an ninh mạng của cán bộ sĩ quan trẻ Trường đại học Nguyễn Huệ**Lưu Thị Bích Phượng:** Giải pháp giúp sinh viên năm thứ 2 Trường đại học Tài nguyên và Môi trường khắc phục khó khăn trong học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành**Nguyễn Thị Vân:** Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong công tác khuyến khích, bảo vệ cán bộ **năng động, sáng tạo vì lợi ích chung****Trương Thị Ánh Ngọc:** Thực trạng phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi ở các trường mầm non thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương**Hoàng Ngọc Sơn, Nguyễn Quốc Duy, Đỗ Mạnh Hà:** Nâng cao chất lượng tham gia công tác dân vận của thanh niên quân khu 7 hiện nay**Nguyễn Đình Tuấn, Lê Thái Huy Hoàng:** Giải pháp nâng cao chất lượng rèn luyện thể lực cho học viên ở các trường trong quân đội**Nguyễn Minh Hải:** Biện pháp nâng cao chất lượng học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên dân tộc thiểu số tại Trường đại học Tây Nguyên**Lê Văn An:** Xây dựng một số bài tập phát triển thể lực trong huấn luyện võ thuật cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát Nhân dân II**Nguyễn Trường Giang:** Lựa chọn giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thể

thao ngoại khóa cho sinh viên trường đại học Nông lâm Thái Nguyên

Lê Thị Phương Hải: Hoạt động cung cấp kiến thức sức khỏe sinh sản đối với nữ công nhân nhập cư Bình Dương

Phạm Thị Hải Lý, Nguyễn Văn Nga: Lý luận về dịch vụ công tác xã hội với người cao tuổi tại trung tâm công tác xã hội và bảo trợ xã hội Tỉnh Bình Định

Trần Việt Sung, Nguyễn Anh Tuấn, Lưu Văn Trung: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trên địa bàn miền Đông Nam Bộ trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng hiện nay

Nguyễn Thị Lý: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại các trường dạy nghề ở huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Hồ Thị Huyền: Một số suy nghĩ về nghiên cứu khoa học của sinh viên

Đặng Thị Ngọc Ly: Thực trạng cấu trúc chương trình môn học nội dung để nâng cao chất lượng dạy học luyện từ và câu lớp 2

Nguyễn Thị Trà My: Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị nhà trường ở các trường trung học phổ thông tại thành phố Vũng Tàu

Nguyễn Trọng Trường : Bảo đảm quyền sống trong pháp luật Việt Nam theo tinh thần đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII

Trịnh Minh Toàn: The reality of adaptation by students of hanoi national university of education to some teaching methods in online teaching

Nguyễn Thị Thu Huyền: Tiềm năng du lịch sinh thái tại xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh

Nguyễn Hương Giang: Cách thức quản lý hoạt động tự học của sinh viên đại học - *Management on self-study activities among university students*

Nguyễn Hồng Giang: Phương pháp dạy lấy người học làm trung tâm (Learner-centred approach)

Lương Thị Hà: Nâng cao năng lực sư phạm cho sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất trường đại học sư phạm Hà Nội

Nguyễn Thị Mai Linh: Một số giải pháp phát triển làng nghề cho hoạt động du lịch ở tỉnh Quảng Ninh

Phạm Đức Quỳnh; Đào Xuân Trường: Nâng cao chất lượng rèn luyện sinh viên khi tham gia học tập tại trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh đại học Thái Nguyên

Nguyễn Văn Thương: Đánh giá hệ thống cây xanh trên một số tuyến đường thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Nguyễn Hoàng An, Lê Thị Phương Thanh: Quản lý hoạt động dạy học môn công nghệ thông tin cho học viên Lào, Campuchia ở Trường Sĩ quan Pháo binh hiện nay

Nguyễn Bích Hằng: Một số biện pháp phát triển trí tuệ cảm xúc của điều tra viên ở cục an ninh điều tra

Nguyễn Thị Yên: Giải pháp tăng cường quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hoá trong nền kinh tế trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay

Mai Thị Thanh Huyền: Xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể cán bộ,

giảng viên tại Trường đại học Nông lâm Bắc Giang

Nguyễn Đức Nguyễn : Thực trạng quản lý đội ngũ viên chức hành chính trong các trường đại học trực thuộc bộ công thương

Nguyễn Thị Bích Hạnh, Phan Quốc Phong: Thực trạng sử dụng kỹ thuật dạy học tích cực trong rèn luyện kỹ năng nói và viết cho học sinh lớp 1, 2 - Current situation of using active teaching techniques in training speaking and writing skills for first and second gradestudents

Nguyễn Vũ Lập: Giải pháp quản lý dạy học môn Vật lý tại các trường trung học phổ thông thành phố Hà Nội theo tiếp cận mô hình Cipo

Lê Thị Ái Liên: Đặc điểm và yêu cầu xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên ở các trường đại học nghệ thuật trong bối cảnh đổi mới giáo dục

Mai Văn Hóa : Quản lý hoạt động dạy học ở trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới giáo dục

Trần Quang Dũng: Biện pháp quản lý hoạt động chuyên môn tại các trường cao đẳng nghề bộ quốc phòng trong bối cảnh đổi mới giáo dục

Bùi Thị Mỹ Hảo: Thực trạng đào tạo theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể (tqm) ở Học viện Hàng không Việt Nam

Đoàn Quang Duy: Biện pháp khơi dậy ý chí, khát vọng của thanh niên việt nam trong bảo vệ và phát triển đất nước

Hoàng Thị Hoài Hương: Nâng cao hiệu quả thuyết trình công vụ trong quản lý hành chính nhà nước

Nguyễn Phi Hùng, Phạm Thị Thuỳ Trang: Thực hiện thông điệp 5k trong phòng, chống dịch bệnh covid-19 ở phân hiệu đại học Đà Nẵng tại Kon Tum

Đào Thị Thu Thủy: Danh thân phạm phú thứ một bậc quan thanh liêm qua tập thơ “Giá viên thi thảo”

Nguyễn Thị Anh Đào, Phạm Thị Bích Ngọc: Một số bài học trong công tác ngoại giao của Đảng cộng sản Đông Dương giai đoạn 1941 - 1945

Nguyễn Ngọc Tuyên, Trần Huyền Trang: Thực trạng và biện pháp giảm ảnh hưởng của làm thêm đối với học tập của sinh viên năm thứ nhất và thứ 2 trường đại học Công nghệ Giao thông Vận tải

Phạm Thị Đan Thanh, Bùi Nguyễn Mai Vy, Lê Thanh Nguyệt An: Khảo sát việc làm bài phần Đọc hiểu tiếng Anh theo dạng thức đề thi trung học phổ thông quốc gia của học sinh khối 12 trên địa bàn thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đàm Đức Đạt, Nguyễn Thành Nhân, Phan Đình Ngọc Châu, Nguyễn Thị Thanh Tâm: Quản lý hoạt động

thực tập cuối khóa của sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

Nguyễn Việt Trung: Những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng vẽ của trẻ và một vài phương pháp có thể dạy trẻ em học vẽ tốt hơn.

Nguyễn Thị Thu Hà: Hoạt động dạy trẻ kể chuyện sáng tạo đối với việc phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ mẫu giáo 5 – 6 tuổi.

Nguyễn Thị Tuyết Minh: Ý nghĩa giáo dục của đồ chơi trong hoạt động vui chơi đối với trẻ mầm non.

Nguyễn Huỳnh Ngọc Thủy: Sử dụng Test tsd-z để đánh giá khả năng sáng tạo trong hoạt động vẽ của trẻ 5-6 tuổi.

Nguyễn Bình An: Sử dụng tiếng Việt trong nghệ thuật ca hát truyền thống Việt Nam và nghệ thuật hát Bel Canto.

Nguyễn Thanh Đạt: Phát triển kinh tế bền vững, nhiệm vụ trung tâm để khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc theo tinh thần Đại hội XII của Đảng.

Phạm Thị Thảo: Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động làm thêm đến tâm lý sinh viên sư phạm

Nguyễn Đình Duy Nghĩa, Nguyễn Đình Duy Tín, Nguyễn Ngọc Hà, Trần Thanh Tú: Thực trạng hoạt động học tập của sinh viên ở Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Huế.

Nguyễn Thị Lệ Hằng: Nghiên cứu xác định lớp phủ bề mặt từ ảnh vệ tinh viễn thám LANDSAT-8 OLI.

Tống Thị Thu Hòa: Giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho Ngành Logistics.

Nguyễn Thị Bích Hưng, Phạm Thiết Trường: Vai trò của giáo viên trong việc bảo vệ an toàn cho học sinh trên môi trường mạng.

Phạm Sỹ Nam, Nguyễn Thị Bé Tám: Xây dựng hệ thống bài tập chủ đề hệ thức lượng trong tam giác vuông nhằm phát triển năng lực toán học cho học sinh lớp 9.

Phạm Sỹ Nam, Hà Chí Thành: Thiết kế tình huống dạy học tỉ số lượng giác của góc nhọn trong tam giác vuông nhằm phát triển năng lực mô hình hóa toán học cho học sinh lớp 9.

Lê Minh Cường, Võ Thanh Thiên Hòa: Phát triển năng lực giao tiếp toán học cho học sinh thông qua dạy học chương Thống kê - Đại số lớp 10.

Lê Minh Cường, Nguyễn Minh Phụng: Phát triển năng lực giải quyết vấn đề toán học cho học sinh thông qua dạy học chương “Vectơ trong không gian. Quan hệ vuông góc trong không gian” - hình học lớp 11.

Trần Hữu Nam, Trần Vương Phương Loan, Nguyễn Quang Tùng, Nguyễn Thanh Sơn: Lựa chọn các bài tập bổ trợ nhằm khắc phục sai lầm thường mắc khi học phối hợp kỹ thuật tay chân trong bơi ếch cho sinh viên chuyên ngành khoa giáo dục thể chất – Đại học Huế

Nguyễn Xuân Quang, Thiệu tá, Nguyễn Hoàng Trang: Nâng cao chất lượng giáo dục quyền con người cho học viên ở Trường Sĩ quan Chính trị hiện nay

Nguyễn Thị Thu Thủy: Khảo sát dạy học tiếng anh theo hình thức dự án cho sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Nguyễn Xuân Tiến: Dạy học hướng tới phát triển năng lực của trẻ theo lý thuyết của piaget

Dương Thị Hương, Lương Thị Hiền: Dạy học văn thuật theo chương trình tiếng việt tiểu học 2018

Bùi Thị Là: Cải tiến giảng dạy các kỹ năng thực hành tiếng cho sinh viên ngành ngôn ngữ anh tại Học viện nông nghiệp Việt Nam

Nguyễn Thị Hồng Vân, Nguyễn Thị Mai Lan: Ứng dụng một số trò chơi dạy từ vựng tiếng anh cho học sinh lớp 3 ở trường tiểu học và trung học cơ sở lê quý đôn, thành phố lạng sơn

Chu Thị Thu Hương, Trần Đình Linh: Biến đổi khí hậu, chiến lược giảm nhẹ và thích ứng – Nghiên cứu của giảng viên khoa khí tượng thủy văn, Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Đoàn Thị Hồng Nguyên, Lê Thị Minh Nga, Lê Hải Yến: Rèn luyện năng lực tư duy sáng tạo cho sinh viên đại học thông qua dạy học chủ đề tích phân của hàm nhiều biến – môn toán cao cấp

Trần Thị Hồng Lê, Trần Thị Vân: Dạy từ vựng cho sinh viên chuyên ngành tiếng anh Trường đại học Tây Bắc

Nguyễn Ngọc Hiếu: Nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận chuẩn đầu ra ở các trường đại học sư phạm – *Enhancing the effectiveness of assessing students' learning outcomes following to the output standard approach at pedagogical universities*

Nguyễn Thị Hồng Thái: Nâng cao năng lực sử dụng thuật ngữ quân sự qua các hoạt động trải nghiệm cho học viên Campuchia học tiếng việt chuyên ngành ở Trường sĩ quan Lục quân 2

Đặng Thị Lan: Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên hệ không chuyên ở các trường đại học

Đỗ Thị Bích: Ứng dụng mô hình mike nam dự báo lũ sông Trà Khúc – Nghiên cứu của giảng viên Trường đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Đỗ Thị Ngát, Trần Thị Hồng Thu: Phát huy vai trò của giảng viên môn giáo dục chính trị trong việc định hướng tư tưởng cho sinh viên Trường cao đẳng Lý tự Trọng

Đỗ Văn Tùng, Nguyễn Mậu Hiền, Hoàng Trọng Anh Bảo: Thực trạng hiệu quả chấn bóng của các đội bóng chuyên nam qua giải bóng chuyên hội thể thao đại học - chuyên nghiệp huế - 2017

Đỗ Văn Tùng, Trịnh Xuân Hồng, Trần Thanh Tú: Thực trạng công tác phát triển phong trào tập luyện môn bóng chuyên cho sinh viên đại học Huế

Lê Văn Chiến: Đề xuất quy trình thiết kế bài giảng trình chiếu powerpoint cho đội ngũ giảng viên kiêm chức ngành thuế ở Việt Nam

Nguyễn Thị Hoài Thu, Nguyễn Thị Tường Vi : Sử dụng âm nhạc trong dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn tự nhiên và xã hội ở bậc tiểu học